



rén mìng

人命

noun · human life

Example Sentences

Zhè chǎng shì gù duó zǒu le sān tiáo rén mìng
这场事故夺走了三条人命。

This accident claimed three human lives.

Rén mìng guān tiān bù néng mǎ hu
人命关天，不能马虎。

Human life is of utmost importance; one cannot be careless.

Trace each character, then write the word on your own.

人	人	人	人	人															
命	命	命	命	命	命	命	命	命	命	命	命								